

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa chị H và anh V

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Bình;

Ông Trần Văn Kiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị Thu H, sinh năm 1989; nơi đăng ký HKTT: Thuận An, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: Phòng 301, CT2b, TB, quận L, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1981; đăng ký HKTT: Xóm 4B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: 45/23A TT, phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Vương Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh V trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28-9-2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại Hà Nội. Vợ chồng chung sống chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V sống thiếu trách nhiệm, có quan hệ ngoại tình, nhiều lần đánh chị nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay; chị vẫn làm việc ở Hà Nội, còn anh V đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh V nên xin được giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nhưng anh V có giữ của chị 100.000.000 đồng là tiền chị vay riêng nhờ anh V giữ hộ. Do anh V chưa đồng ý giải quyết khi ly hôn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt cùng ngày 29/4/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh thống nhất với chị H về việc kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng và từ năm 2019 xảy ra mâu thuẫn nên anh đã đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh. Anh V còn trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, phát sinh từ cách cư xử, ăn nói của chị H. Anh V chưa có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung và tài sản chung, anh thống nhất với chị H chưa có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Việc chị H đòi anh 100.000.000 đồng thì anh không nhất trí, anh yêu cầu tự giải quyết về tài chính với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28-9-2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại Hà Nội nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, chị H còn nghi ngờ anh V có quan hệ ngoại tình. Từ tháng 01/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân. Đến nay chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, tuy anh V chưa có quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị H nhưng cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đã ly thân từ năm 2019. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh V đã kéo dài, các bên cũng không thiết tha tìm biện pháp hòa giải đoàn tụ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vương Thị Thu H đối với anh Nguyễn Văn V là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh V thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về việc nuôi con chung khi ly hôn.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị H và anh V thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H còn khai anh V đang giữ của chị 100.000.000 đồng là tiền chị vay riêng đưa cho anh V giữ hộ, chị yêu cầu anh V trả cho chị. Tuy nhiên anh V không thừa nhận lời khai của chị H, anh yêu cầu được tự giải quyết riêng với chị H. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị H đã rút lại yêu cầu đòi anh V trả số tiền trên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Vương Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn V.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Vương Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002028 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Vương Thị Thu H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên